

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 09 - 2022
V/v: Ly hôn, T/c về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Ân

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L; sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Tào Văn T; sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt chị Bùi Thị L và anh Tào Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/4/2022, bản tự khai ngày 16/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2022.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Tào Bích N, sinh ngày 11/01/2016 và cháu Tào Tú A, sinh ngày 12/12/2019. Ly hôn, do hai cháu là con gái và đang còn nhỏ nên chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tào Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau bình thường, quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống của vợ chồng. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn được hòa giải đoàn tụ để cùng nhau nuôi con. Tuy nhiên nếu chị L nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Tào Bích N, sinh ngày 11/01/2016 và cháu Tào Tú A, sinh ngày 12/12/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân hai con ở với anh T và anh T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L và anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Tào Văn T; Về con chung: Giao cháu Tào Bích N cho anh Tào Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tào Tú A cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Tào Văn T. Anh T cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện kiểm sát được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Tào Văn T có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị L và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ, chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ, chồng nay đã sống ly thân với nhau. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T xét thấy tình cảm vẫn còn và mong muốn hòa giải, đoàn tụ. Tuy nhiên, chị L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và kiên quyết muốn ly hôn nên anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị L và anh T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Tào Bích N, sinh ngày 11/01/2016 và cháu Tào Tú A, sinh ngày 12/12/2019. Ly hôn cả chị L và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị L, anh T là chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên anh T và chị L đều làm lao động tự do mức thu nhập không cao, cháu Tào Tú A chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Tào Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Tào Tú A, sinh ngày 12/12/2019 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tào Bích N, sinh ngày 11/01/2016 cho anh Tào Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T và chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007626 ngày 09/5/2022, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị L và anh Tào Văn T. Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

